TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:62/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08/11/2019
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình.

Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 08/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63A/2019/QĐXX-ST ngày 27/9/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 39A/2019/QĐ-ST ngày 27/9/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/12/1977.

Chứng minh nhân dân số: 121633690 do Công an tỉnh Bắc Giang, Việt Nam cấp ngày 11/01/2018.

Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn**: Anh Chiang, Tsung-C sinh ngày 30/8/1966.

Hộ chiếu số: 308998258.

Địa chỉ: Tầng 4, số 21, ngõ 362, số 14, đường X, quận T, thành phố T, Đài Loan.

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 27/12/2018 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Chiang, Tsung-C đăng ký kết hôn ngày 11/6/2014 tại Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chúng tôi được tự do tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn chúng tôi cũng không có thời gian chung sống với nhau nhiều thỉnh thoảng anh Chiang, Tsung-C sang Việt Nam để thăm tôi. Do thủ tục để sang sinh sống với anh Chiang, Tsung-C gặp nhiều khó khăn nên chúng tôi xảy ra mâu thuẫn với nhau, ngôn ngữ bất đồng, gây ra chán nản từ đó chúng tôi không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Chiang, Tsung-C.

- Về con chung: Chúng tôi không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Chúng tôi không có tài sản chung và công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện tôi đi làm việc ở xa nên không thể về tham gia trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa tôi và anh Chiang, Tsung-C được. Vì vậy, tôi đề nghị được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa tôi và anh Chiang, Tsung-C . Tôi giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài tôi xin tự nguyện chịu cả tôi không có ý kiến gì.

* Bị đơn là anh C có địa chỉ tại Đài Loan, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành văn bản ủy thác tư pháp số 07/UTTPDS-TA5 ngày 08/01/2019 gửi Bộ Tư pháp về việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và lấy lời khai của đương sự theo quy định của pháp luật(Hồ sơ ủy thác tư pháp số 06/UTTPDS-TA5 ngày 08/01/2019).

Tại công văn số 2016/BTP-PLQT ngày 04/7/2019 của Bộ tư pháp gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thể hiện nội dung: "Bộ Tư pháp đã nhận được Văn bản số 1080058693 ngày 12/6/2019 của Bộ Tư pháp lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Quý cơ quan tại công văn số 06/UTTPDS-TA5 ngày 08/01/2019 đối với đương sự Chiang, Tsung-C có địa chỉ tại Đài Loan. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 15/05/2019 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an.

Bộ Tư pháp xin gửi văn bản nói trên và các tài liệu kèm theo để Quý cơ quan giải quyết theo thẩm quyền".

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh C không có văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, anh Chiang, Tsung-C cũng vắng mặt không có lý do trong quá trình Tòa án thông báo, triệu tập đến Tòa án giải quyết vụ án.

*Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Chiang, Tsung-C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị Nguyễn Thị H, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán, Thư ký, HĐXX chấp hành đúng quy định của pháp luật; về phía các đương sự thì chị Nguyễn Thị H chấp hành đúng quy định pháp luật, anh Chiang, Tsung-C không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX giải quyết cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Chiang, Tsung-C; về con chung không có nên không giải quyết; tài sản chung, công nợ chị Nguyễn Thị H khai không có nên không giải quyết; Chi phí tố tụng chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H là công dân Việt Nam có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. Hiện chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Chiang, Tsung-C có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan). Anh Chiang, Tsung-C là bị đơn hiện đang cư trú tại Đài Loan, có hộ khẩu tại địa chỉ: Tầng 4, số 21, ngõ 362, số 14, đường X, quận T, thành phố Tân Bắc, Đài Loan. Như vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp "ly hôn" có đương sự là người nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Việt Nam theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và tống đạt hợp lệ cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án. Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Chiang, Tsung-C vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn biết thực hiện. Tuy nhiên bị đơn không chấp hành nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; điểm b, khoản 5, Điều 477- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Chiang, Tsung-C.

[3]. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh Chiang, Tsung-C kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang, Việt Nam ngày 11/06/2014. Do vậy Tòa án xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì vợ chồng không có thời gian chung sống với nhau nhiều thỉnh thoảng anh Chiang, Tsung-C sang Việt Nam để thăm chị H. Do thủ tục để sang sinh sống với anh Chiang, Tsung-C gặp nhiều khó khăn nên chị Nguyễn Thị H và anh Chiang, Tsung-C xảy ra mâu thuẫn với nhau, ngôn ngữ bất đồng, gây ra chán nản từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị H xác định tình cảm vợ chồng với anh Chiang, Tsung-C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Chiang, Tsung-C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Chiang, Tsung-C.

[4]. Về con chung: chị Nguyễn Thị H khai chị và anh Chiang, Tsung-C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5].Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nguyễn Thị H khai chị và anh Chiang, Tsung-C không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về chi phí tố tụng:

[6.1]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã

nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2]. Về lệ phí ủy thác tư pháp:Căn cứ quy định tại Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử lý như sau:

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000229 ngày 28/02/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000402 ngày 15/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã thi hành xong lệ phí ủy thác tư pháp bản án dân sự sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Chiang, Tsung-C.

2. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000144 ngày 08/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 400.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: AA/2018/0000229 ngày 28/02/2019 và số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: AA/2018/0000402 ngày 15/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã thi hành xong lệ phí ủy thác tư pháp.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh C hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị H cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã H, huyện T;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng